**TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY**

**NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN 9 NĂM HỌC 2018-2019**

**A. NỘI DUNG**

**I. VĂN HỌC**

**1/ Văn bản trung đại:**

*- Chuyện người con gái Nam Xương;*

*- Truyện Kiều* của Nguyễn Duvà các đoạn trích *Cảnh ngày xuân, Chị em Thúy Kiều, Kiều ở lầu Ngưng Bích* (Trích *Truyện Kiều –* Nguyễn Du).

\* Tóm tắt, nêu được tình huống truyện, nắm vững nội dung và nghệ thuật “*Chuyện người con gái Nam Xương”.*

\* Trình bày được những nét chính về tác giả Nguyễn Du và sự nghiệp văn chương của ông; những giá trị nội dung và nghệ thuật của các đoạn trích.

**2/ Truyện hiện đại:**

- *Làng* - Kim Lân;

*- Lặng lẽ Sa Pa* - Nguyễn Thành Long;

*- Chiếc lược ngà* - Nguyễn Quang Sáng.

\* Trình bày kiến thức về tác giả và tác phẩm, đặc điểm nhân vật, sự việc, cốt truyện, diễn biến tâm trạng nhân vật, nội dung, nghệ thuật của các văn bản

\* Giải thích được ý nghĩa nhan đề, các chi tiết của văn bản

**3/ Thơ hiện đại:**

- *Đồng chí*  - Chính Hữu;

- *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* - Phạm Tiến Duật;

- *Đoàn thuyền đánh cá*- Huy Cận;

- *Bếp lửa* - Bằng Việt;

*- Ánh trăng* - Nguyễn Duy.

\* Trình bày được những kiến thức về tác giả và tác phẩm, hoàn cảnh ra đời, những giá trị nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa văn bản.

\* Giải thích được ý nghĩa nhan đề, tác dụng của các chi tiết, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật trong tác phẩm.

**II/ TIẾNG VIỆT**

\* Các nội dung trong chương trình Tiếng Việt lớp 6,7,8

\* Lớp 9:

- Các phương châm hội thoại;

- Sự phát triển của từ vựng;

- Từ vựng

- Lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp.

\* Nắm vững kiến thức cơ bản về các phương châm hội thoại; các cách phát triển của từ vựng và phương thức chuyển nghĩa; xác định ý nghĩa và tác dụng của từ vựng trong văn cảnh

\* Nhận diện và biết cách chuyển lời dẫn trực tiếp sang gián tiếp, biết tạo câu có lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp.

**III/ TẬP LÀM VĂN:**

**HS nắm vững các kĩ năng vận dụng các phương thức biểu đạt đã được học trong chương trinh Ngữ văn THCS (Tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận) để tạo lập văn bản.**

**Nội dung tạo lập văn bản bám sát ngữ liệu phần đọc hiểu.**

**B. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN KIỂM TRA**

**- Hình thức kiểm tra: Tự luận (Cấu trúc, dạng câu hỏi như đề thi tuyển sinh vào lớp 10)**

**- Thời gian làm bài: 90 phút**

**NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN SINH HỌC 9 NĂM HỌC 2018-2019**

***PHẦN I:LÝ THUYẾT***

**Chương 1: Các Thí Nghiệm Của Men Đen**

Câu 1:Nội dung cơ bản của phương pháp phân tích các thê hệ lai của Men Đen gồm những điểm nào.

Câu 2:Nêu nội dung của quy luật phân li,quy luật phân ly độc lập.

Câu 3:Biến dị tổ hợp là gì?Nó được xuất hiện ở hình thức sinh sản nào?

**Chương 2:Nhiễm Sắc Thể**

Câu 1:Nêu tính đặc trưng của bộ nhiễm sắc thể của mỗi loài sinh vật.Trình bày vai trò của NST đối với sự di truyền các tính trạng.

Câu 2:Nêu những diễn biến cơ bản của quá trình nguyên phân, giảm phân và ý nghĩa của quá trình nguyên phân, giảm phân.

Câu 3:Nêu những điểm khác nhau giữa NST thường và NST giới tính.

**Chương 3:AND Và Gen**

Câu 1:Nêu đặc điểm cấu tạo hóa học của AND.Nêu bản chất hóa học và chức năng của gen.

Câu 2: Nêu đặc điểm cấu tạo hóa học của ARN.Nêu điểm khác nhau giữa AND và ARN.

Câu 3:Vì sao nói prôtêin có vai trò quan trọng đối với tế bào và cơ thể.Nêu bản chất mối quan hệ giữa gen và tính trạng.

Câu 4:Nêu cách lắp ráp mô hình cấu trúc không gian của phân tử AND.

**Chương 4:Biến Dị**

Câu 1:Đột biến gen,đột biến cấu trúc NST,đột biến số lượng NST là gì?Cho ví dụ.

Câu 2:Thường biến là gì?Lấy ví dụ.Phân biệt thường biến với đột biến.

***PHẦN II: BÀI TÂP***-Các dạng bài về lai một cặp tính trạng, lai hai cặp tính trạng:bài tập 4( trang 10)., 4(trang 19)., 4,5(Trang 23) SGK Sinh 9.

-Các dạng bài về AND và Gen: bài tập 4( trang 50), 3(trang 53), SGK Sinh 9.

Bài 1:Khi lai hai thứ hoa thuần chủng màu đỏ và màu trắng với nhau được F1 đều hoa đỏ.Cho cây F1 thụ phấn với nhau,ở F2 thu được tỉ lệ sau:103 hoa đỏ:31 hoa trắng.

a.biện luận và viết sơ đồ lai.

b.Bằng cách nào xác định được cây hoa đỏ thuần chủng ở F2.

Bài 2:Một gen có 3000 nuclêôtit trong đó có 900 A.

a.Xác định chiều dài của gen.

b.Số nuclêôtit từng loại của gen là bao nhiêu.

c.Khi gen tự nhân đôi một lần lấy của mội trường nội bào bao nhiêu nuclêôtit.

**NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN HÓA 9 NĂM HỌC 2018-2019**

**PHẦN I: LÍ THUYẾT :**

1. Phân loại,tính chất hóa học chung của 4 loại hợp chất vô cơ( oxit, axit, bazơ ,muối) và mối quan hệ giữa chúng.
2. Tính chất hóa học, điều chế các hợp chất quan trọng: CaO, SO2, H2SO4, NaOH.
3. Tính chất hóa học chung của kim loại.Dãy hoạt động hoá học của kim loại( ý nghĩa)
4. Tính chất hóa học giống và khác nhau của Al, Fe.
5. Sản xuất nhôm, sản xuất gang, thép(PTHH).Các biện pháp bảo vệ kim loại tránh bị ăn mòn.
6. Thực hành :Tính chất hoá học của ba zơ- muối, Tính chất hoá học của nhôm và sắt

( chú ý hiện tượng phản ứng)

**PHẦN II: BÀI TẬP:**

**I.Làm Tất cả các bài tập trong bài ôn tập học kì I (SGK lớp 9 trang 71 và 72).**

**II. Bài tập luyện thêm:**

**Bài 1** :

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoàn thành các PTHH sau** | |
| 1. CO2 +... 🡪Na2CO3 + ... | 6. Fe+ ... 🡪FeS |
| 2. BaO+ ... 🡪Ba(NO3)2+ ... | 7. Na2SO4 + ... 🡪NaOH + ... |
| 3. P2O5 + ... 🡪Na3PO4 + ... | 8. Na2SO4 + ... 🡪 NaCl +... |
| 4. NaOH + ... 🡪NaCl +... | 9. NaCl + ... NaOH + ... +... |
| 5. CaCO3 + ..... 🡪 CaCl 2+ ...+... | 10. Ca(HCO3 )2+ ... 🡪 CaCO3 + ... |

**Bài 2**: Cho các chất sau: Na2O, SO2, HCl, Ba(OH)2, Na2SO4, Fe, Cu , AgNO3, H2O

Những chất nào tác dụng với nhau . Viết PTHH của các phản ứng xảy ra (nếu có)

**Bài 3**: Viết các phương trình hóa học thực hiện các biến hóa sau:

(ghi rõ điều kiện phản ứng nếu có)

a. AlAl2O3 AlCl3 Al(OH)3Al2O3Al

1 2 8

NaAlO2  Al2(SO4)3

b. Fe FeSO4 FeCl2 Fe(OH)2Fe(NO3)2Fe(OH)2FeOFe

8

FeCl3Fe(NO3)3Fe(OH)3Fe2(SO4)3FeCl3 Fe

**Bài 4**: Cho các chất sau: Zn, ZnSO4, Zn(OH)2, ZnO. Hãy sắp xếp 4 chất này thành 2 dãy chuyển đổi hoá học ( mỗi dãy đều gồm 4 chất ) và viết PTHH thực hiện các dãy chuyển đổi đó.

**Bài 5: Nhận biết:** a, 4 dung dịch: NaCl, HCl, Na2SO4, KOH

b, 3 chất rắnmàu trắng: CaO, P2O5, Na2O

c, 4 kim loại: Fe, Al, Cu ,K

**Bài 6:** Hoà tan hoàn toàn 13,5g hỗn hợp gồm Al ,Ag vào 600ml dung dịch HCl 2M , sau khi phản ứng xong thu được 10,08 lit khí ở ĐKTC

a/ Viết các PTHH các phản ứng xảy ra nếu có

b/ Tính thành phần % theo khối lượng mỗi kim loại trong hỗn hợp trên

c/ Tính CM các chất có trong dung dịch sau phản ứng( coi V dd không thay đổi)

**Bài 7:** Cho 0,84 g bột Magiê vào 112 g dd CuSO4 10%

a/ Viết các PTHH các phản ứng xảy ra .

b/ Tính C% các chất có trong dung dịch sau phản ứng.

**Bài 8:** Cho 20,8 gam hỗn hợp Fe, Mg tác dụng với dd H2SO4 loãng,dư. Sau phản ứng thu được 13,44 lit H2 ở đktc và dung dịch B

a/ Viết PTHH các phản ứng xảy ra .

b/Tính khối lượng mỗi kim loại trong hỗn hợp ban đầu?

c/ Cho dung dịch B tác dụng với dd NaOH dư.Tính khối lượng kết tủa thu được.

**Bài 9:** Cho 13g kim loại M chưa rõ hoá trị tác dụng với Clo dư thu được 27,2g muối clorua.

Xác định M là kim loại nào?

**Bài 10** : Cho 12,8 gam hỗn hợp X gồm Fe và FeO tác dụng với dd HCl loãng, dư. Sau phản ứng thu được 2.24 lít khí ở ĐKTC

1. Viết PTPƯ.
2. Tính % về khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp X.
3. Phải dùng bao nhiêu ml dd HCl 2M đủ để hòa tan 12,8g hỗn hợp X.

**NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN ĐỊA LÝ 9 NĂM HỌC 2018-2019**

**I. Phần lí thuyết :**

**Phần 1 : Địa lí dân cư**

**Câu 1** : Cho biết số dân và tình hình gia tăng dân số nước ta giai đoạn 1990 – 2016.

**Câu 2** : Phân tích ý nghĩa của sự giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên và thay đổi cơ cấu dân số nước ta.

**Phần 2 : Địa lí kinh tế**

**Câu 1** : Phân tích sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta.

**Câu 2** : Hãy chứng minh rằng cơ cấu công nghiệp nước ta khá đa dạng.

**Câu 3** : Lập sơ đồ các ngành dịch vụ. Cho ví dụ chứng minh rằng nền kinh tế càng phát triển thì các hoạt động dịch vụ càng trở nên đa dạng; ở đâu đông dân thì ở đó càng tập trung nhiều hoạt động dịch vụ.

**Phần 3 : Sự phân hóa lãnh thổ**

**Câu 1** : Hãy nêu những thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 2** : Tại sao trung du Bắc Bộ là địa bàn đông dân và phát triển kinh tế-xã hội cao hơn miền núi Bắc Bộ ?

**Câu 3** : Vì sao việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phải đi đôi với bảo vệ môi trường tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên?

**Câu 4** : Vì sao khai thác khoáng sản là thế mạnh của tiểu vùng Đông Bắc, còn phát triển thủy điện là thế mạnh cuat tiểu vùng Tây Bắc ? Nêu ý nghĩa của nhà máy thủy điện Hòa Bình ?

**Câu 5** : Nêu ý nghĩa của việc phát triển nghề rừng theo hướng nông lâm kết hợp ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 6** : Điều kiện tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế - xã hội ?

**Câu 7** : Phân tích tầm quan trọng của hệ thống đê điều ở đồng bằng sông Hồng?

**Câu 8** : Sản xuất lương thực thực phẩm ở đồng bằng sông Hồng có tầm quan trọng như thế nào ? Đồng bằng sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì để phát triển sản xuất lương thực thực phẩm ?

**Câu 9** : Nêu lợi ích kinh tế của việc đưa vụ đông thành vụ sản xuất chính ở Đồng bằng sông Cửu Long ?

**Câu 10** : Phân bố dân cư và các hoạt động kinh tế ở vùng Bắc Trung Bộ có những đặc điểm gì ?

**Câu 11** : Hãy cho biết dãy núi Trường Sơn Bắc ảnh hưởng như thế nào đến khi hậu ở Bắc Trung Bộ ?

**Câu 12** : Tại sao nói du lịch là thế mạnh kinh tế của Bắc Trung Bộ ?

**II. Phần trắc nghiệm:**

- Ôn tập từ bài 1 đến bài 24 chương trình Địa lí 9.

**NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN TOÁN 9 NĂM HỌC 2018-2019**

A.- LÝ THUYẾT:

Ι. Đại số:

* Căn bậc hai số học; hằng đẳng thức 
* Công thức liên hệ phép nhân và phép khai phương; phép chia và phép khai phương.
* Công thức biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn bậc hai.
* Căn bậc ba.
* Hàm số bậc nhất; đồ thị hàm số bậc nhất.
* Đường thẳng song song; đường thẳng cắt nhau và trùng nhau.
* Hệ số góc của đường thẳng y= ax+b (

ΙΙ.Hình học:

-Hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông.

- Tỉ số lương giác của góc nhọn.

- Hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông.

- ứng dụng thực tể các tỉ số lượng giác của góc nhọn.

- Sự xác định đường tròn; đường kính và dây của đường tròn.

- Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây.

- Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn, vị trí tương đối của hai đường tròn.

- Tiếp tuyến đường tròn, tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau.

B.- BÀI TẬP:

Ι.Đại số:

Bài 1: Thực hiện phép tính:

a)   

Bài 2: a) Tính giá trị biểu thức A = tại x = 16

b) Rút gọn biểu thức B = với x ≥ 0 và x ≠ 9

c) Chứng minh rằng B:A < 0

d) Tìm giá trị nhỏ nhất của B:A

Bài 3: a) Tính giá trị biểu thức M = tại x = 

b) Rút gọn biểu thức P =  với x

c) Tìm các giá trị nguyên của x để P:M là số nguyên.

Bài 4: Cho biểu thức P = 

a. Rút gọn P với x > 0 và x ≠ 4

b. Tính P khi  = 2

c. Tìm các giá trị nguyên của  để P nhận giá trị nguyên.

d. Tìm GTNN của P khi  > 9

Bài 5: Cho đường thẳng (d): y = 2x - 4

a) Điểm A(1; 2) có thuộc đường thẳng (d) hay không? Vì sao?

b) Tìm tọa độ giao điểm của (d) với trục Ox, Oy?

c) Vẽ đồ thị đường thẳng (d)

Bài 6: Cho hàm số y = (m – 3)x + m; Tìm m để:

1. Hàm số là hàm số bậc nhất.
2. Hàm số đồng biến, nghịch biến?
3. Đồ thị hàm số cắt 0x tại điểm có hoành độ 2.
4. Đồ thị hàm số đi qua A(1; 11).

Bài 7: Tìm k, m để (d) y = (k – 2)x + m -1 và (d’) y = (6 – 2k)x +5 – 2m

a. Song song b. Cắt nhau c. Trùng nhau

Bài 8: Cho hai đường thẳng y = 2x + 1 và y = -3x + 2

1. Tìm giao điểm M của hai đường thẳng trên.
2. Viết phương trình đường thẳng đi qua M và song song với đường thẳng y = 2x + 4.

Bài 9: Giải các phương trình sau:

  

\* Các bài tập 32 đến 38 (SGK - trang 61)

ΙΙ.Hình học:

Bài 1: Cho ΔABC vuông tại A có AH đường cao. Biết B= 9cm, HC=16cm.

Tính độ dài AH; AC; số đo góc ABC. ( Số đo góc làm tròn đến độ)

Bài 2: Cho (O;R),đường kính AB. Gọi I là trung điểm của AO. vẽ dây cung CD ⊥ AB tại I. Vẽ tiếp tuyến tại C và D của (O), chúng cắt nhau tại M

a/ Chứng minh tứ giác ACOD là hình thoi, suy ra M, A, B thẳng hàng.

b/ Tính chu vi và diện tích tam giác MCD. Biết R = 6

c/ Chứng minh MC2 = MA.MB.

d/ Chứng minh MC là tiếp tuyến (B; BI)

e/ Gọi K là trung điểm BC. Chứng minh rằng: D, O, K thẳng hàng.

f/ cmr: IK là tiếp tuyến đường tròn đường kính OB.

Bài 3: Cho tam giác ABC có góc A = 900. Đường cao AH. Vẽ đường tròn (A; AH). Gọi HD là đường kính của đường tròn đó. Tiếp tuyến của đường tròn tại D cắt CA tại E.

a/ Chứng minh ΔBEC cân.

b/ Gọi I là hình chiếu của A trên BE. Chứng minh rằng AI = AH.

c/ Chứng minh BE là tiếp tuyến của đường tròn tâm A.

d/ Chứng minh BE = BH + DE.

Bài 4: Cho nửa đường tròn tâm O đường kính AB, Kẻ tiếp tuyến Ax, By (Ax, By cùng phía với nửa đường tròn). Lấy điểm D trên tia Ax, kẻ tiếp tuyến DC với đường tròn. ( C thuộc đường tròn) (O) tiếp tuyến này cắt By tại E.

1. Chứng minh góc DOE = 900.
2. AD.BE không đổi khi D thay đổi trên Ax.
3. AB là tiếp tuyến đường tròn đường kính DE.
4. Gọi M là giao điểm của AC và OD, N là giao điểm của BC và OE. Chứng minh tứ giác CMON là hình chữ nhật.
5. Tìm vị trí của điểm D trên tia Ox để tứ giác ABED có diện tích nhỏ nhất. Vẽ hình minh hoạ.

Bài 5: Cho đường tròn tâm O, điểm M nằm ngoài đường tròn ( A, B là tiếp điểm)

a/ Chứng minh MO ⊥ AB (tại I)

b/ Kẻ đường cao AD, BE của tam giác MAB chúng cắt nhau tại H. Chứng minh: M, H, O thẳng hàng.

c/ Tứ giác AHBO là hình gì? Chứng minh.

d/ ΔBAH ~ ΔBEI

Bài 6: Kim tự tháp Ke-op (Ai Cập) là một hình chóp đều có đáy là một hình vuông cạnh dài 230m. Vào một thời điểm trong ngày khi ánh nắng mặt trời tạo với mặt đất một góc 350 , người ta đo được bóng của nó (tính từ bóng của đỉnh tháp tới một giao điểm hai cạnh đáy) bằng 46,15m. Tính chiều cao của kim tự tháp (làm tròn đến hàng đơn vị).

\* Các bài tập 41, 42, 43 (SGK - trang 128)

**NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN GDCD 9 NĂM HỌC 2018-2019**

1. **NỘI DUNG ÔN TẬP:** Ôn các bài từ tuần 1 đến tuần 16 trong đó trọng tâm kiến thức:

**-** *Bài 2: Tự chủ*

***-*** *Bài 3: Dân chủ và kỉ luật*

*- Bài 5: Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới*

*- Bài 7: Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.*

***-*** *Bài 8, 9: Chủ đề: Lao động chủ động, sáng tạo, hiệu quả**.*

*\* Lưu ý: Vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống trong thực tế.*

**B. CÂU HỎI ÔN TẬP.**

**Câu 1.** Thế nào là tự chủ? Nêu biểu hiện của người tự chủ? Tìm những câu ca dao, tục ngữ thể hiện tính tự chủ?

**Câu 2.** Vì sao tự chủ là đức tính cần thiết của người học sinh ? Để rèn luyện được đức tính đó, học sinh cần phải làm gì?

**Câu 3**.Vì sao chúng ta phải thực hiện tốt dân chủ và kỉ luật?

**Câu 4.** Thế nào là dân chủ và kỉ luật? Hãy lấy hai ví dụ về việc làm thực hiện tốt dân chủ và kỉ luật ?

**Câu 5**.Thế nào là tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới? Nêu hai ví dụ thể hiện tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới. Là công dân Việt Nam chúng ta phải có trách nhiệm như thế nào thể hiện tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới?

**Câu 6**: Truyền thống tốt đẹp của dân tộc là gì? Em hãy kể hai truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta? Vì sao chúng ta phải kế thừa và phát huy những truyền thống đó?

**Câu** 7: Vì sao chúng ta phải lao động chủ động, sáng tạo và hiệu quả?

**Câu** 8: Là học sinh em cần phải làm gì để kế thừa và phát huy truyền thống của dân tộc?

**\* BÀI TẬP:** Học sinh làm các bài tập trong SGK vận dụng kiến thức lí thuyết vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

Bài 7: Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- Bài tập 1 ( trang 25)

Bài 8: Năng động và sáng tạo.

- Bài tập 1 (trang 29)

Bài 9: Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.

- Bài tập 2 (trang 33)

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

**Câu 1.** Thế nào là tự chủ? Nêu biểu hiện của người tự chủ? Tìm những câu ca dao, tục ngữ thể hiện tính tự chủ?

- Khái niệm: Là làm chủ bản thân .

- Người biết tự chủ là người làm chủ được những suy nghĩ , tình cảm và hành vi của mình trong mọi hoàn cảnh , tình huống , luôn có thái độ bình tĩnh , tự tin và biết tự điều chỉnh hành vi của mình

- Học sinh tìm được những câu ca dao, tục ngữ về tính tự chủ

**Câu 2.** Vì sao tự chủ là đức tính cần thiết của người học sinh ? Để rèn luyện được đức tính đó học sinh cần phải làm gì?

**-** Học sinh nêu được:

- Giải thích:

+ Là một đức tính quý giá.

+ Giúp con người biết sống một cách đúng đắn và biết cư xử có đạo đức, văn hóa.

+ Nhờ có tính tự chủ mà con người đứng vững trước những tình huống khó khăn và thử thách, cám dỗ.

- Trách nhiệm:

+ Chúng ta cần rèn luyện tính tự chủ bằng cách tập suy nghĩ trước khi hành động.

+ Sau mỗi việc làm , cần xem lại thái độ , lời nói , hành động của mình là đúng hay sai và kịp thời rút kinh nghiệm, sửa chữa .

**Câu 3**. Vì sao chúng ta phải thực hiện tốt dân chủ và kỉ luật?

- Giải thích:

+ Thực hiện tốt dân chủ và kỉ luật sẽ tạo ra sự thống nhất cao về nhận thức , ý chí và hành động của mọi người.

+ Tạo cơ hội cho mọi người phát triển , xây dựng được quan hệ xã hội tốt đẹp và nâng cao hiệu quả , chất lượng lao động , tổ chức tốt các hoạt động xã hội .

**Câu 4.** Thế nào là dân chủ và kỉ luật? Hãy lấy hai ví dụ về việc làm thực hiện tốt dân chủ và kỉ luật ?

- Khái niệm :

+ Dân chủ là mọi người được làm chủ công việc của tập thể và xã hội , mọi người phải được biết , được cùng tham gia bàn bạc , góp phần thực hiện , giám sát những công việc chung của tập thể và xã hội có liên quan đến mọi người , đến cộng đồng và xã hội .

+ Kỉ luật là những quy định chung của một cộng đồng hoặc của tổ chức xã hội ( nhà trường , cơ sở sản xuất , cơ quan ,….) yêu cầu mọi người phải tuân theo nhằm tạo ra sự thống nhất hành động để đạt chất lượng , hiệu quả trong công việc.

***-*** Học sinh cho ví dụ cụ thể.

**Câu 5**. Thế nào là tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới? Nêu hai ví dụ thể hiện tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới. Là công dân Việt Nam chúng ta phải có trách nhiệm như thế nào thể hiện tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới?

- Khái niệm: Tình hữu nghị giữa các đất nước trên thế giới là quan hệ bạn bè thân thiện giữa nước này với nước khác.

***-*** Học sinh cho ví dụ cụ thể.

- Trách nhiệm : Phải thể hiện tình đoàn kết , hữu nghị với bạn bè và người nước ngoài bằng thái độ , cử chỉ , việc làm và sự tôn trọng , thân thiện trong cuộc sống hằng ngày…

C**âu 6**: Truyền thống tốt đẹp của dân tộc là gì? Em hãy kể hai truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta? Vì sao chúng ta phải kế thừa và phát huy những truyền thống đó?

- Khái niệm: Là những giá trị tinh thần ( tư tưởng, đức tính, đạo lí, cách ứng xử tốt đẹp...) được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

- Học sinh kể hai truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

(Những truyền thống tốt đẹp của Viêt nam: Đoàn kết, nhân nghĩa, tôn sư trọng đạo, hiếu thảo, hiếu học, bất khuất chống giặc ngoại xâm...)

- Giải thích: Truyền thống dân tộc vô cùng quý giá, góp phần tích cực vào quá trình phát triển của dân tộc và mỗi cá nhân, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam…

**Câu** 7: Vì sao chúng ta phải lao động chủ động, sáng tạo và hiệu quả?

**-** Học sinh nêu được:

* Giúp con người vượt qua ràng buộc của hoàn cảnh, rút ngắn thời gian để đạt được mục đích nhanh chóng và tốt đẹp.
* Nhờ đó, con người làm nên những kỳ tích vẻ vang, mang lại vinh dự cho bản thân, gia đình, xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc mỗi cá nhân, gia đình, xã hội…

**Câu** 8: Là học sinh em cần phải làm gì để kế thừa và phát huy truyền thống của dân tộc?

- Hs nêu được cách rèn luyện:

- Tích cực học tập và trau dồi đạo đức.

- Thể hiện lòng tự hào dân tộc của mình.

- Giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- Ngăn chặn những hành vi xấu làm tổn hại đến truyền thống dân tộc.

**III.BÀI TẬP:** Học sinh làm các bài tập trong SGK vận dụng kiến thức lí thuyết vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

\* Bài tập 1 (trang 25)

Những thái độ hành vi thể hiện sự kế thừa và phát huy truyền thống của dân tôc: a, c, e, g, h, i, l

\* Bài 1 (trang 29)

- Những hành vi thể hiện tính năng động sáng tạo: b,đ, e, h,

- Những hành vi không thể hiện tính năng động sáng tạo: a, c, d, g, h.

\* Bài tập 2 (trang 33)

- Vì làm việc có năng suất chất lượng hiệu quả là: tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị cao về nội dung và hình thức.

- Nếu làm việc không chú ý đến chất lượng hiệu quả thì hậu quả xảy ra là: mất lòng tin đối với người khách hàng dẫn đến hiệu quả sản xuất đi xuống.

***Phần bài tập tình huống.***Tùy vào tình huống cụ thể, cách diễn đạt khác nhau, học sinh cần đảm bảo các ý sau:

\* Nhận xét:

- Hành vi đó đúng hay sai, thuộc phẩm chất đạo đức nào.

- Giải thích rõ vì sao.

\* Cách giải quyết:

- Phân tích, giảng giải đưa ra lời khuyên.

- Đồng tình, hoặc phản đối và đưa ra hướng giải quyết

- Rút ra bài học cho bản thân.

**NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN LỊCH SỬ 9 NĂM HỌC 2018-2019**

**A. Phần trắc nghiệm** (5 điểm):

**I/ Sự ra đời của tổ chức ASEAN:**

**1. Nhận biết:**

Câu 1: Năm nước tham gia sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á là

1. Thái Lan, Xingapo, Malaixia, Philippin, Brunây.
2. Inđônêxia, Thái Lan, Xingapo, Malaixia, Philippin.
3. Xingapo, Malaixia, Philippin, Thái Lan, Mianma.
4. Thái Lan, Xingapo, Malaixia, Philippin, Việt Nam.

Câu 2: ASEAN là tên gọi viết tắt của tổ chức nào?

1. Liên minh châu Âu.
2. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
3. Cộng đồng than và thép châu Âu.
4. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu.

Câu 3: Quốc gia nào sau đây thuộc nhóm 5 nước tham gia sáng lập ASEAN?

1. Đông Timo.
2. Inđônêxia.
3. Mianma.
4. Brunây.

Câu 4: Quốc gia nào **không** thuộc nhóm 5 nước sáng lập ASEAN?

1. Inđônêxia.
2. Malaixia.
3. Philippin.
4. Việt Nam.

Câu 5: Mục tiêu thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á là gì?

1. Chống lại sự xâm lược của Mĩ.
2. Chống lại ảnh hưởng của phương Tây về kinh tế.
3. Hình thành liên minh quân sự để bành chướng thế lực ra bên ngoài.
4. Phát triển kinh tế, văn hóa, cùng nỗ lực hợp tác chung giữa các nước.

Câu 6: Sự kiện lịch sử quan trọng nào diễn ra ở khu vực Đông Nam Á vào ngày 8/8/1967?

1. Sự ra đời của Đảng cộng sản ở các nước.
2. Sự ra đời của tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
3. Xây dựng diễn đàn khu vực ARF.
4. Việt Nam gia nhập ASEAN.

Câu 7: Đâu **không** phải là một trong những nguyên tắc hoạt động của tổ chức ASEAN?

1. Tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau.
2. Có quyền can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
3. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
4. Hợp tác phát triển có hiệu quả.

Câu 8: ASEAN là một tổ chức

1. Liên minh quân sự của các nước Đông Nam Á.
2. Liên minh về kinh tế - chính trị của khu vực Đông Nam Á.
3. Liên minh kinh tế - giáo dục của khu vực Đông Nam Á.
4. Liên minh quân sự - y tế của khu vực Đông Nam Á.

Câu 9: Nước nào được kết nạp sau cùng vào ASEAN tính từ khi thành lập cho đến hiện nay?

1. Việt Nam.
2. Lào.
3. Đông Timo.
4. Camphuchia.

Câu 10: Đối với tổ chức ASEAN, ngày 28/7/1995 đã diễn ra sự kiện lịch sử nào?

1. Lào gia nhập ASEAN.
2. Mianma gia nhập ASEAN.
3. Việt Nam gia nhập ASEAN.
4. Đông Timo gia nhập ASEAN.

Câu 11: Vào tháng 2 năm 1976, Đông Nam Á diễn ra sự kiện lịch sử lớn nào?

1. Hội nghị Pari.
2. Hội nghi Bali.
3. Hội nghị Giơnevơ.
4. Hội nghị diễn đàn hợp tác Á – Âu (ASEM).

Câu 12: Khu vực Đông Nam Á hiện nay gồm bao nhiêu quốc gia?

1. 10 nước.
2. 11 nước.
3. 12 nước.
4. 13 nước.

**2. Thông hiểu:**

Câu 13: Yếu tố nào **không** phải là nguyên nhân dẫn đến sự thành lập tổ chức ASEAN?

1. Hợp tác giữa các nước để cùng nhau phát triển.
2. Thiết lập sự ảnh hưởng của mình đối với nước khác.
3. Hạn chế sự ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.
4. Sự ra đời và hoạt động có hiệu quả của các tổ chức hợp tác khác trên thế giới.

Câu 14: Quốc gia nào ở Đông Nam Á hiện nay nằm trong khối các nước Nics?

1. Xingapo.
2. Campuchia.
3. Philippin.
4. Lào.

Câu 15: Sự kiện nào đánh dấu sự “Khởi sắc” của tổ chức ASEAN?

1. Kí bản Hiến chương Asean năm 2007.
2. Thành lập tổ chức liên minh vì tiến bộ năm 1961.
3. Kí hiệp ước thân thiện và hợp tác (Hiệp ước Bali) tháng 2 năm 1976.
4. Tuyên bố thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á năm 1967.

Câu 16: Các nước muốn gia nhập vào ASEAN phải thỏa mãn tất cả các tiêu chí, trừ tiêu chí nào sau đây :

1. Có vị trí nằm trong khu vực Đông Nam Á
2. Được tất cả các nước thành viên ASEAN công nhận
3. Có thể chế phù hợp
4. Chấp nhận sự ràng buộc và tuân thủ Hiến chương

Câu 17: ASEAN **không** nhằm đạt được mục tiêu nào sau đây:

1. Duy trì hòa bình, an ninh, ổn định khu vực.
2. Xây dựng một thị trường chung và cơ sở sản xuất duy nhất.
3. Hình thành một khối phòng thủ chung.
4. Nâng cao phúc lợi và đời sống của người dân ASEAN.

Câu 18: Khẩu hiệu của ASEAN là gì?

1. Một Tầm nhìn, một Bản sắc, một Cộng đồng
2. Một Tầm nhìn, một Cộng đồng, một Khu vực
3. Một Cộng đồng, một Tầm nhìn, một Tương lai
4. Một Cộng đồng, một Bản sắc, một Tương lai

Câu 19: Trong biểu tượng của ASEAN, mười bó lúa tượng trưng cho:

1. 10 quốc gia thành viên ASEAN
2. Ưu tiên của ASEAN về hợp tác nông nghiệp
3. Trọng tâm hợp tác của ASEAN là về sản xuất lúa gạo
4. 10 mục tiêu hợp tác chính của ASEAN

Câu 20:  Ý nào dưới đây **không đúng** về quá trình mở rộng thành viên của tổ chức ASEAN từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX?

A. Quan hệ giữa ba nước Đông Dương với ASEAN đã được cải thiện tích cực.

B. Chiến tranh lạnh kết thúc, xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ.

C. Các nước ASEAN chống lại sự hình thành trật tự “đa cực” sau Chiến tranh lạnh kết thúc.

D. Các nước ASEAN thực hiện hợp tác, phát triển có hiệu quả theo các nguyên tắc của Hiệp ước Bali.

**II. Nước Mĩ từ năm 1945 đến nay.**

**1. Nhận biết:**

Câu 21: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, quốc gia nào kiểm soát ¾ trữ lượng vàng của thế giới?

1. Anh.
2. Pháp.
3. Mĩ.
4. Đức.

Câu 22: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ là nước khởi đầu cho cuộc cách mạng nào?

1. Cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại.
2. Cách mạng công nghiệp.
3. Cách mạng nông nghiệp.
4. Cách mạng công nghệ thông tin.

Câu 23: Đâu là một trong những nguyên nhân làm cho nền kinh tế Mĩ phát triển vượt bậc sau chiến tranh thế giới thứ hai?

1. Buôn bán vũ khí, hàng hóa cho các nước tham chiến.
2. Được nhiều nước hỗ trợ về kinh tế.
3. Kinh tế không chịu tác động của cuộc khủng hoảng, suy thoái.
4. Bóc lột tài nguyên từ thuộc địa.

Câu 24: Hai mươi năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai, quốc gia nào trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới?

1. Mĩ.
2. Anh.
3. Liên Xô.
4. Nhật.

Câu 25: Tham vọng của Mĩ trong “Chiến lược toàn cầu” là gì?

1. Đem lại hòa bình cho thế giới.
2. Làm bá chủ thế giới.
3. Thống nhất thế giới.
4. Gây chiến tranh toàn cầu.

Câu 26: Khối quân sự NATO do Mĩ đứng đầu là tên viết tắt của tổ chức nào?

1. Tổ chức hiệp ước Tây Đại Tây Dương.
2. Tổ chức hiệp ước Bắc Đại Tây Dương.
3. Tổ chức hiệp ước Nam Đại Tây Dương.
4. Tổ chức hiệp ước Đông Đại Tây Dương.

Câu 27: Đâu **không** phải là chính sách đối nội của Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

1. Duy trì thể chế Cộng hòa do hai đảng thay nhau cầm quyền.
2. Ban hành các chính sách đàn áp phong trào công nhân.
3. Thực hiện chính sách phân biệt chủng tộc.
4. Duy trì hoạt động của Đảng cộng sản.

Câu 28: Một trong các chính sách đối ngoại chủ yếu của Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai là

1. Đề ra “Chiến lược toàn cầu”.
2. Giúp đỡ các nước XHCN Đông Âu.
3. Tăng cường hợp tác hữu nghị với nhiều nước trên thế giới.
4. Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc.

Câu 29: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, yếu tố nào phản ánh **không** đúng nguyên nhân phát triển của nền kinh tế Mĩ?

1. Áp dụng khoa học kĩ thuật.
2. Chi phí cho quốc phòng thấp.
3. Vai trò điều tiết của Nhà nước.
4. Tài nguyên thiên nhiên phong phú.

Câu 30: Kế hoạch Mácsan (1948) còn có tên gọi khác là gì?

1. Kế hoạch phục hưng Tây Âu.
2. Kế hoạch phục hưng châu Âu.
3. Kế hoạch phục hưng văn hóa châu Âu.
4. Kế hoạch phục hưng kinh tế châu Âu.

Câu 31: Mục tiêu nào **không** thuộc “Chiến lược toàn cầu” của Mĩ?

1. Tiến hành chiến tranh xâm lược trên toàn thế giới.
2. Ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa Xã hội trên thế giới.
3. Khống chế, chi phối các nước đồng minh phụ thuộc vào Mĩ.
4. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào hòa bình thế giới.

Câu 32: Liên minh quân sự nào dưới đây **không** phải do Mĩ lập ra?

1. NATO.
2. CENTO.
3. VACSAVA.
4. SEATO.

**2. Thông hiểu:**

Câu 33: Mĩ thành lập khối quân sự NATO (4/1949) nhằm mục đích chủ yếu nào?

1. Chống lại Việt Nam, Trung Quốc, Liên Xô.
2. Chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
3. Chống lại Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.
4. Chống lại các nước XHCN và phong trào cách mạng thế giới.

Câu 34: Sự kiện nào đánh dấu thất bại nặng nề nhất của Mĩ trong việc thực hiện “Chiến lược toàn cầu”?

1. Thắng lợi của cách mạng Cuba năm 1959.
2. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1975.
3. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949.
4. Thắng lợi của cách mạng Hồi giáo Iran năm 1979.

Câu 35: Vì sao nước Mĩ đi đầu thế giới trong cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại?

1. Nước Mĩ có nguồn lao động dồi dào, chất lượng cao.
2. Nước Mĩ là quê hương của nhiều nhà khoa học nổi tiếng.
3. Nước Mĩ có nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng và phong phú.
4. Nước Mĩ có điều kiện hòa bình, có cơ sở vật chất tốt cho các nhà khoa học đến làm việc.

Câu 36: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, nước Mĩ có đội ngũ các nhà khoa học đông đảo và chất lượng vì lí do nào?

1. Phần lớn người Mĩ đều muốn trở thành nhà khoa học.
2. Nước Mĩ có nhiều trường đại học đào tạo các nhà khoa học.
3. Mĩ ép buộc các nhà khoa học nổi tiếng trên thế giới di cư đến Mĩ.
4. Nước Mĩ tạo điều kiện cho các nhà khoa học tự di cư đến ngiên cứu.

Câu 37: Nguyên nhân nào **làm giảm** “thế mạnh” của nền kinh tế Mĩ so với các cường quốc khác ?

1. Mĩ không đầu tư phát triển kinh tế.
2. Mĩ phải viện trợ cho các nước Tây Âu.
3. Cuộc chạy đua vũ trang kéo dài của Mĩ.
4. Khoa học kĩ thuật của Mĩ kém phát triển.

Câu 38: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, điều kiện quyết định nhất thúc đẩy nền kinh tế Mĩ phát triển mạnh mẽ là

1. Mĩ áp dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật vào sản xuất.
2. Mĩ có trình độ tập trung sản xuất và tư bản rất cao.
3. Mĩ lợi dụng chiến tranh để làm giàu nhờ buôn bán vũ khí.
4. Mĩ có lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên đa dạng.

Câu 39: Năm 1973, nguyên nhân chủ yếu nào làm suy thoái nền kinh tế Mĩ?

1. Mĩ phải viện trợ cho các nước Tây Âu.
2. Tiến hành nhiều cuộc chiến tranh trên thế giới.
3. Mĩ thực hiện cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.
4. Tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.

Câu 40: Mục tiêu bao trùm trong chính sách đối ngoại của chính phủ Mĩ sau thời kì chiến tranh lạnh là

1. Hợp tác toàn diện, hữu nghị với Liên Xô.
2. Thiết lập một trật tự thế giới “đơn cực” do Mĩ đứng đầu.
3. Xác lập trật tự thế giới mới, “đa cực”.
4. Viện trợ cho các nước đồng minh.

**III/ Nhật Bản từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.**

**1. Nhận biết.**

Câu 41: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, đặc điểm nổi bật của tình hình Nhật Bản là gì?

1. Nhân dân nổi dậy ở nhiều nơi.
2. Chịu hậu quả hết sức nặng nề của chiến tranh.
3. Kinh tế phát triển nhanh chóng.
4. Các đảng phái tranh giành quyền lực.

Câu 42: Nền tảng chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

1. Liên minh chặt chẽ với Tây Âu.
2. Liên minh chặt chẽ với nước Mĩ.
3. Mở rộng quan hệ với Trung Quốc.
4. Mở rộng quan hệ với Đông Nam Á.

Câu 43: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo thỏa thuận của hội nghị nào?

1. Ianta.
2. Pôtxđam.
3. XanPranxixcô.
4. Ngoại trưởng năm nước.

Câu 44: Khó khăn đối với nền công nghiệp Nhật Bản trong giai đoạn 1952 – 1973 là gì?

1. Xuất khẩu hàng hóa.
2. Chính sách nhập khẩu hàng hóa.
3. Phụ thuộc vào nhiên liệu nhập khẩu.
4. Phụ thuộc vào nhiên liệu, nguyên liệu nhập khẩu.

Câu 45: Nhân tố quyết định đưa Nhật Bản vươn lên thành siêu cường kinh tế là gì?

1. Chi phí cho quốc phòng rất thấp.
2. Áp dụng thành tựu khoa học kĩ thuật.
3. Nguồn nhân lực có chất lượng và tính kỉ luật cao.
4. Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của Nhà nước.

Câu 46: Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật (9/1951) được kí kết nhằm mục đích gì?

1. Tạo thế cân bằng về mọi mặt giữa Mĩ và Nhật.
2. Mĩ muốn biến Nhật trở thành căn cứ quân sự của Mĩ.
3. Nhật muốn lợi dụng vốn kĩ thuật của Mĩ để phát triển kinh tế.
4. Hình thành liên minh Mĩ – Nhật chống các nước Xã hội chủ nghĩa.

Câu 47: Năm 1968, thành tựu lớn nhất của Nhật trong lĩnh vực kinh tế là gì?

1. Trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới.
2. Tốc độ kinh tế tăng trưởng cao liên tục.
3. Bớt lệ thuộc vào Mĩ.
4. Trở thành nước nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại.

Câu 48: Từ năm 1945 đến năm 1951, Mĩ có mặt ở Nhật Bản với danh nghĩa gì?

1. Lãnh đạo thế giới.
2. Lực lượng đồng minh.
3. Giúp đỡ lực lượng phát xít.
4. Quan sát viên của Liên hợp quốc.

Câu 49: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, chính phủ Nhật thỏa thuận cho phép Mĩ được làm gì trên lãnh thổ của mình?

1. Đầu tư phát triển kinh tế.
2. Mở rộng vùng đất chiếm đóng.
3. Phát triển nền văn hóa nước Mĩ.
4. Đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự.

**Câu 50.** Tổng thống Mỹ đầu tiên sang thăm Việt Nam?

A. Kennơđi

B. Nichxơn.

C. B. Clintơn.

D. G. Bush.

**Câu 51.** Sau CTTG II, Mỹ có lợi thế gì về vũ khí?

A. Nắm độc quyền vũ khí nguyên tử.

B. Chế tạo ra được nhiều vũ khí.

C. Có nhiều tàu ngầm.

D. Nhiều hạm đội trên biển.

Câu 52: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự suy yếu của nền kinh tế Mĩ là gì?

A. Sự vươn lên cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản

B. Kinh tế Mĩ không ổn định do vấp phải nhiều cuộc suy thoái, khủng hoảng.

C. Do theo đuổi tham vọng bá chủ thế giới.

D. Sự giàu nghèo quá chênh lệch trong các tầng lớp xã hội.

**2. Thông hiểu.**

Câu 53: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên nhân chủ yếu nào dẫn đến việc Nhật Bản liên minh chặt chẽ với Mĩ?

1. Để nhận viện trợ của Mĩ.
2. Giúp Mĩ thực hiện chiến lược toàn cầu.
3. Đảm bảo quyền, lợi ích quốc gia Nhật Bản.
4. Cùng chống lại phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á.

Câu 54: Sức mạnh của các công ti độc quyền Nhật Bản thể hiện ở điểm nào?

1. Việc xuất khẩu vốn tư bản ra nước ngoài để kiếm lời.
2. Khả năng chi phối, lũng đoạn nền kinh tế, chính trị đất nước.
3. Chiếm ưu thế cạnh tranh với các công ti độc quyền nước ngoài.
4. Tiềm lực nguồn vốn lớn được đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh.

Câu 55: Để đẩy nhanh sự phát triển khoa học kĩ thuật, sự khác biệt của Nhật Bản so với các nước khác là gì?

1. Mua bằng phát minh của nước ngoài.
2. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.
3. Coi trọng, phát triển mạnh nền giáo dục quốc dân.
4. Xây dựng nhiều công trình hiện đại trên mặt đất và dưới đáy biển.

Câu 56: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, so với các nước Tây Âu, khó khăn khác biệt mà Nhật Bản phải đối mặt là gì?

1. Phải nỗ lực để khôi phục kinh tế.
2. Sự tàn phá nặng nề của chiến tranh.
3. Thiếu thốn gay gắt lương thực, thực phẩm.
4. Phải dựa vào viện trợ của Mĩ dưới hình thức vay nợ.

Câu 57: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, so với các nước Tây Âu, điểm khác biệt của Nhật Bản trong phục hồi và phát triển kinh tế là gì?

1. Chi phí cho quốc phòng thấp.
2. Áp dụng thành tựu của khoa học kĩ thuật.
3. Sự lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của Nhà nước.
4. Tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển.

Câu 58: Nguyên nhân nào giúp Nhật Bản hạn chế chi phí cho quốc phòng?

1. Nhật nằm trong “ô bảo vệ hạt nhân” của Mĩ.
2. Dân cư đông không thích hợp đầu tư vào quốc phòng.
3. Nằm trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tại, động đất, sóng thần.
4. Tài nguyên ít, nợ nước ngoài do bồi thường chi phí chiến tranh.

Câu 59: Trong phát triển kinh tế, điểm khác biệt của Nhật Bản so với Mĩ là gì?

1. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.
2. Chú trọng xây dựng các công trình giao thông.
3. Phát triển các ngành sản xuất quân trang, quân dụng.
4. Coi trọng, đầu tư cho các phát minh khoa học kĩ thuật.

Câu 60: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, để đẩy nhanh sự phát triển “thần kì” của nền kinh tế, Nhật Bản coi trọng yếu tố nào?

1. Đầu tư ra nước ngoài.
2. Giáo dục và khoa học kĩ thuật.
3. Thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài.
4. Bán các bằng phát minh, sáng chế.

**IV. Trật tự thế giới mới hai cực Ianta**

**1. Nhận biết:**

Câu 61: Từ ngày 4 đến ngày 11/2/1945, thế giới đã diễn ra sự kiện lịch sử trọng đại nào?

1. Tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
2. Hội nghị thành lập Liên hợp quốc.
3. Hội nghị Ianta.
4. Hội nghị Pốtđam.

Câu 62: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, hai cường quốc Liên Xô – Mĩ giữ mối quan hệ như thế nào?

1. Đối đầu - chiến tranh lạnh.
2. Hợp tác - ủng hộ hòa bình.
3. Đối đầu - chiến tranh quân sự.
4. Hợp tác - đấu tranh chống phát xít.

Câu 63: Hội nghị Ianta (2/1945) tại Liên Xô còn có tên gọi khác là gì?

1. Hội nghị cường quốc.
2. Hội nghị tam cường.
3. Hội nghị ngũ cường.
4. Hội nghị thành lập Liên hợp quốc.

Câu 64: Đâu **không** được coi là biểu hiện của “chiến tranh lạnh”

1. Chạy đua vũ trang.
2. Thành lập các liên minh, căn cứ quân sự.
3. Tiến hành chiến tranh xâm lược và đàn áp phong trào giải phóng dân tộc.
4. Xác lập trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm.

Câu 65: Hội nghị Ianta (2/1945) đã đưa tới hậu quả gì?

1. Hình thành trật tự thế giới đơn cực do Mĩ đứng đầu.
2. Hình thành trật tự thế giới đơn cực do Liên xô đứng đầu.
3. Hình thành trật tự thế giới hai cực do Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi cực.
4. Hình thành trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm.

Câu 66: Cơ quan giữ vai trò trọng yếu của Liên hợp quốc trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới là

1. Đại hội đồng.
2. Hội đồng bộ trưởng.
3. Hội đồng bảo an.
4. Tòa án quốc tế.

Câu 67: Ai là người phát động “chiến tranh lạnh”?

1. Tổng thống Mĩ Tơ-ru-man.
2. Tổng thống Mĩ Bu-sơ.
3. Tổng thống Mĩ Ai-shen-hao.
4. Hít le.

Câu 68: Hội nghị Ianta (2/1945) **không** thông qua quyết định nào?

1. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức – Nhật.
2. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
3. Thỏa thuận, phân chia khu vực ảnh hưởng của các cường quốc.
4. Giao cho quân Pháp giải giáp quân đội Nhật ở Đông Dương.

Câu 70: Mục tiêu của “chiến tranh lạnh” là gì?

1. Thực hiện chính sách thù địch chống Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa.
2. Mĩ lôi kéo các đồng minh của mình chống Liên Xô.
3. Phá hoại phong trào cách mạng thế giới.
4. Mĩ nhằm phát huy thế mạnh kinh tế - quân sự của mình.

Câu 71: Các nước tham gia hội nghị Ianta 92/1945) gồm có

1. Liên xô, Anh, Mĩ.
2. Liên Xô, Anh, Pháp.
3. Pháp, Việt Nam, Trung Quốc.
4. Mĩ, Đức, Anh.

Câu 72: Trụ sở của Liên hợp quốc được đặt tại đâu?

1. Newyork (Mĩ).
2. Luân Đôn (Anh).
3. Mat-xcơ-va (Nga).
4. Pa-ri (Pháp).

**2. Thông hiểu:**

Câu 73: Sự kiện nào **không** dẫn tới tình trạng chiến tranh lạnh?

1. Mĩ thông qua kế hoạch Mac-san.
2. Tổ chức liên hợp quốc được thành lập.
3. Mĩ thành lập khối quân sự Nato.
4. Sự đối đầu của hai siêu cường Liên Xô – Mĩ.

Câu 74: Sau khi trật tự hai cực Ianta sụp đổ, Mĩ **không** thể thiết lập trật tự thế giới đơn cực vì:

1. Sự xuất hiện của chủ nghĩa khủng bố.
2. Sự vươn lên mạnh mẽ của các cường quốc.
3. Bị Nhật Bản vượt qua.
4. Hệ thống thuộc địa kiểu mới của Mĩ sụp đổ.

**Câu 75.** Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc vào thời gian nào và thành viên thứ bao nhiêu của tổ chức này?

A. Tháng 7/ 1995, thành viên thứ 148

B. Tháng 9/ 1975, thành viên thứ 148

C. Tháng 9/ 1977, thành viên thứ 149

D. Tháng 9/ 1977, thành viên thứ 150

**Câu 76.** Vai trò quan trọng nhất của tổ chức Liên hợp quốc là

A. Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

B. Thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các nước trên thế giới.

C. Giải quyết các vụ tranh chấp và xung đột khu vực

D. Giúp đỡ các dân tộc về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế

**Câu 77:** Những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai, mối lo ngại nhất của Mĩ là gì?

A. CNXH đã trở thành hệ thống thế giới, trải dài Đông Âu đến châu Á

B. Nhật Bản và Tây Âu đã vươn lên trở thành trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới

C. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời

D. Liên Xô đã chế tạo thành công bom Nguyên tử, phá vỡ thế độc quyền về vũ khí nguyên tử của Mĩ

**Câu 78:** Sau chiến tranh thế giới thứ hai, quan hệ Mĩ và Liên xô đã thay đổi như thế nào?

A. Chuyển từ đối đầu sang đối thoại

B. Từ đồng minh chuyển sang đối đầu và dẫn đến chiến tranh lạnh

C. Hai nước đã tiến hành hợp tác để giải quyết nhiều vấn đè quan trọng của thế giới

D. Mâu thuẫn gay gắt về quyền lộ trên thế giới

**Câu 79:** Nhân tố chủ yếu đã chi phối các quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập kỉ nửa sau của thế kỉ XX là

A. Sự cạnh tranh khốc liệt về thị trường và thuộc địa giữa các nước tư bản

B. Xu thế liên minh khu vực và quốc tế

C. Chiến tranh lạnh

D. Sự hình thành ba trung tâm kinh tế-tài chính trên thế giới

**Câu 80:** Sự khác biệt căn bản nhất giữa chiến tranh lạnh với các cuộc chiến tranh thế giới đã diến ra là

A. Làm cho thế giới luôn trong tình trạng đối đầu căng thẳng

B. Chủ yếu diễn ra giữa Mĩ và Liên Xô

C. Diễn ra trên mọi lĩnh vực, trừ xung đột trực tiếp về quân sự giữa Mĩ và Liên Xô

D. Diễn ra dai dẳng, giằng co, bất phân thắng bại.

**B. Phần tự luận (5 điểm)**

Câu 1: Nêu hoàn cảnh ra đời, mục tiêu hoạt động của tổ chức ASEAN?

Câu 2: Vì sao nói từ những năm 90 của thế kỉ XX, một chương mới đã mở ra trong lịch sử Đông Nam Á? Việc gia nhập ASEAN đã tạo ra thời cơ và thách thức nào cho Việt Nam?

Câu 3: Nêu những biểu hiện về sự phát triển của kinh tế nước Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

Câu 4: Những nhân tố nào thúc đẩy sự phát triển của kinh tế Mĩ trong giai đoạn 1945 - 1973? Bài học kinh nghiệm nào được rút ra cho Việt Nam trong công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa hiện nay?

Câu 5: Nêu những dẫn chứng tiêu biểu về sự phát triển thần kì của nền kinh tế Nhật Bản trong những năm 60 - 70 của TK XX?

Câu 6: Nguyên nhân nào tạo ra bước nhảy vọt lớn đối với kinh tế Nhật trong thập niên 70 của TK XX? Việt Nam có thể học tập được gì từ sự phát triển kinh tế đó của Nhật?

Câu 7: Hãy nêu lên các xu thế phát triển của thế giới ngày nay?

Câu 8: Tại sao nói xu thế chung của thế giới ngày nay vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các dân tộc? Theo em, nhiệm vụ to lớn nhất hiện nay của nhân dân Việt Nam là gì?

**\*GỢI Ý TRẢ LỜI:**

**I. Trắc nghiệm:** GV định hướng HS vận dụng kiến thức cơ bản của các bài đã học để chọn ra phương án đúng nhất.

**II. Tự luận:**

Câu 1: Hoàn cảnh ra đời, mục tiêu hoạt động của ASEAN:

a. Hoàn cảnh ra đời:

- Sau khi giành được độc lập và đứng trước yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

- Nhiều nước Đông Nam Á chủ trương thành lập một tổ chức liên minh khu vực nhằm: Hợp tác phát triển kinh tế, hạn chế sự ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.

***⟹ Ngày 8/8/1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (viết tắt là ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) gồm 5 nước thành viên: Inđônêxia, Malaixia, Philipin, Xingapo, Thái Lan.***

b. Mục tiêu họat động:

Phát triển kinh tế và văn hóa thông qua những nổ lực hợp tác chung giữa các nước thành viên, trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực.

Câu 2:

a. Nói: “Từ những năm 90 của TK XX, một chương mới đã mở ra trong lịch sử khu vực Đông Nam Á” vì:

- Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc và vấn đề Campuchia được giải quyết bằng việc kí hiệp định Pari về Campuchia (10/1991). Tình hình chính trị khu vực được cải thiện rõ rệt.

- Xu hướng nổi bật đầu tiên là sự mở rộng thành viên của tổ chức ASEAN:

+ ASEAN từ 6 nước đã phát triển thành 10 nước thành viên: 01/1984 Brunây, 7/1995 Việt Nam, 9/1997 Lào và Myanma, 4/1999 Campuchia.

+ Lần đầu tiên trong lịch sử khu vực, 10 nước Đông Nam Á đều cùng đứng trong một tổ chức thống nhất

+ ASEAN chuyển trọng tâm họat động sang hợp tác kinh tế, đồng thời xây dựng một khu vực Đông Nam Á  hòa bình, ổn định để cùng nhau phát triển phồn vinh

- Năm 1992, Đông Nam Á  trở thành  khu vực mậu dịch tự do (AFTA).

- Năm 1994, lập diễn đàn khu vực (ARF) gồm 23 quốc gia.

b. Thời cơ và thách thức cho Việt Nam khi gia nhập ASEAN là:

\* Cơ hội:

– Nền kinh tế Việt Nam được hội nhập với nền kinh tế trong khu vực

– Tạo điều kiện để nền kinh tế nước ta thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực.

– Tiếp thu những thành tựu về khoa học kĩ thuật tiên tiến nhất của thế giới để phát triển kinh tế.

– Có điều kiện tiếp thu, học hỏi trình độ quản lí của các nước trong khu vực.

– Có điều kiện thuận lợi để giao lưu về văn hóa, giáo dục, khoa học – kĩ thuật, y tế, thể thao với các nước trong khu vực.

\* Thách thức:

– Nếu không tận dụng cơ hội để phát triển thì nền kinh tế nước ta có nguy cơ tụt hậu với các nước trong khu vực.

– Sự cạnh tranh quyết liệt giữa nước ta với các nước trong khu vực.

– Hội nhập dễ bị “hòa tan”, đánh mất bản sắc và truyền thống của dân tộc.

Câu 3: Biểu hiện về sự phát triển kinh tế Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai là:

- Thu được 114 tỉ đô từ chiến tranh thế giới thứ hai, trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới.

- Công nghiệp: chiếm hơn 50% sản lượng công nghiệp toàn thế giới.

- Nông nghiệp: sản lượng cao gấp 2 lần sản lượng nông nghiệp của 5 nước Anh, Pháp, Tây Đức, Italia, Nhật Bản cộng lại.

- Tài chính: nắm giữ ¾ trữ lượng vàng của thế giới và là chủ nợ duy nhất trên thế giới.

Câu 4:

\* Những nhân tố thúc đấy sự phát triển của kinh tế Mĩ trong giai đoạn 1945 – 1973 là

- Xa chiến trường, không bị chiến tranh tàn phá và thu được món lợi nhuận khổng lồ từ việc buôn bán hàng hóa, vũ khí trong chiến tranh.

- Là một đất nước giàu tài nguyên, khoáng sản.

- Thừa hưởng các thành tựu tiến bộ của khoa học – kĩ thuật thế giới.

- Vai trò quản lý, điều tiết của Nhà nước.

\* Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước:

- Phát huy thế mạnh và tiềm năng của đất nước: khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên, khoáng sản của đất nước…

- Tăng cường vai trò quản lý và điều tiết của Nhà nước trong xây dựng và phát triển kinh tế.

- Áp dụng sáng tạo và có hiệu quả những tiến bộ về khoa học kĩ thuật hiện đại của nhân loại vào sản xuất trong nước.

- Có chính sách ưu đãi và thu hút nhân tài…

Câu 5: Những dẫn chứng tiêu biểu về sự phát triển thần kì của kinh tế Nhật Bản trong những năm 60 – 70 của thế kỉ XX:

- Tổng sản phẩm quốc dân đạt 183 tỉ đô, đứng thứ hai thế giới – sau Mĩ (năm 1968, thu nhập bình quân đầu người sánh ngang với Mĩ.

- Công nghiệp: tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 15%.

- Nông nghiệp: cung cấp hơn 80% nhu cầu lương thực trong nước, 2/3 nhu cầu thịt, sữa và nghề đánh cá phát triển thứ hai thế giới sau Pê-ru.

­-> Trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.

Câu 6:

\* Nguyên nhân về sự phát triển thần kì của nền kinh tế Nhật:

- Áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật.

- Tận dụng vốn đầu tư nước ngoài vào phát triển kinh tế đất nước.

- Vai trò điều tiết, quản lý của Nhà nước và các công ty lớn.

- Người Nhật có truyền thống tự lực, tự cường và tính kỉ luật cao.

\* Bài học rút ra cho Việt Nam về sự phát triển kinh tế:

- Coi trọng nhân tố con người: có chính sách thu hút nhân tài, mua bằng sáng chế, chú trọng đầu tư và phát triển giáo dục…

- Tăng cường vai trò quản lý có hiệu quả của Nhà nước và chủ doanh nghiệp.

- Đầu tư phát triển khoa học kĩ thuật…

Câu 7: Các xu thế phát triển của thế giới ngày nay:

- Xu thế hòa hoãn, hòa dịu trong quan hệ quốc tế.

- Xác lập trật tự thế giới mới đa cực, nhiều trung tâm.

- Các nước đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy kinh tế là trọng tâm.

- Từ đầu thập niên 90 của thế kỉ XX, nhiều khu vực xảy ra xung đột, nội chiến.

Tuy nhiên, xu thế chung của thế giới ngày nay là hòa bình, ổn định và hợp tác.

Câu 8:

\* Nói xu thế chung của thế giới ngày nay vừa là thời cơ và thách thức cho các dân tộc vì:

- Thời cơ:

+ Nền kinh tế các nước có cơ hội hòa nhập với nền kinh tế các nước trong khu vực và tạo điều kiện vươn ra thế giới. Thu hẹp khoảng cách phát triển kinh tế của các nước với nhau.

+ Tiếp thu tiến bộ khoa học kĩ thuật và chuyển giao công nghệ, tạo điều kiện giao lưu học hỏi về mọi mặt.

- Thách thức:

+ Nếu không tận dụng thời cơ để phát triển thì nền kinh tế có nguy cơ bị tụt hậu.

+ Sự cạnh tranh giữa các nước, “Hòa nhập” dễ bị “hòa tan”.

\* Nhiệm vụ to lớn nhất của Việt Nam hiện nay là cần tiếp thu có chọn lọc tiến bộ khoa học kĩ thuật, tinh hoa văn hóa nhân loại để phát triển kinh tế đất nước và làm giàu văn hóa bản sắc dân tộc. Tuy nhiên cần hết sức tỉnh táo trong quá trình hội nhập quốc tế vì phải đối mặt với nguy cơ bị hòa tan, đánh mất bản sắc dân tộc…

**NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN CÔNG NGHỆ 9 NĂM HỌC 2018-2019**

1. **Nội dung ôn tập: Từ bài 1 đến bài 7.**
2. **Câu hỏi ôn tập:**

***Câu 1*:** Hãy cho biết đối tượng lao động, nội dung lao động, yêu cầu và điều kiện làm việc của nghề điện dân dụng.

***Câu 2*:** Nêu cấu tạo của dây dẫn được bọc cách điện và cách sử dụng dây dẫn điện.

***Câu 3*:** Nêu cấu tạo và cách sử dụng của dây cáp điện.So sánh cấu tạo dây dẫn điện và dây cáp điện

***Câu 4*:** Kể tên các loại đồng hồ đo điện em đã học? Nêu công dụng của đồng hồ đo điện?Tại sao trên vỏ máy biến áp người ta lắp vôn kế và ampe kế?

***Câu 5*:** Kể các loại mối nối, yêu cầu và quy trình chung của nối dây dẫn điện trong mạng điện trong nhà?

***Câu 6*:** Bảng điện chính, bảng điện nhánh có nhiệm vụ gì?

***Câu 7***: Nêu các bước vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện, áp dụng nêu các bước vẽ mạch điện đèn ống huỳnh quang.

***Câu 8***: Nêu quy trình chung lắp đặt mạch điện bảng điện?Khi lắp đặt mạch điện xong lúc vận hành mạch không hoạt động được em phải làm gì ?

1. **Bài tập:**

Hãy vẽ sơ đồ nguyên lý và sơ đồ lắp đặt của các mạch điện từ bài 6, bài 7.

**NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN MỸ THUẬT 9 NĂM HỌC 2018-2019**

1. **NỘI DUNG ÔN TẬP:**

HS ôn tập các thể loại tranh theo đề tài.

1. **ĐỀ TÀI:**
2. ***Tranh đề tài phong cảnh***
3. ***Tranh đề tài phong cảnh quê hương***
4. ***Tranh đề tài an toàn giao thông***
5. ***Tranh tĩnh vật***
6. ***Vẽ trang trí***
7. ***Tranh đề tài tự chọn***
8. ***Tranh đề tài Lễ Hội***

**NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN VẬT LÍ 9 NĂM HỌC 2018-2019**

***I. LÝ THUYẾT***

1. Điện trở của dây dẫn – Biến trở -Điện trở dung trong kỹ thuật.

* Điện trở của dây dẫn phụ thuộc vào những yếu tố nào? Nêu hệ thức thể hiện mối lien hệ đó? Vì sao dựa vào điện trở suất có thể nói đồng dẫn điện tốt hơn nhôm?.
* Tác dụng của biến trở- vẽ sơ đồ mạch điện sử dụng biến trở để diều chỉnh cường độ dòng diện chạy qua đèn.

1. Công suất điện – Công của dòng điện .

-Số vôn và số oát ghi trên dụng cụ dung điện cho ta biết điều gì?Nêu các hệ thức tinh công suất điện và công của dòng điện?

- vì sao phải tiết kiệm điện năng?Có những cách nào đẻ sử dụng tiết kiệm điện năng?

1. Nam châm vĩnh cửu- từ phổ- Đường sức từ.
2. Từ trường của ống dây có dòng điện chay qua.
3. Lực điện từ- Động cơ điện 1 chiều.

***II. BÀI TẬP***

1. Dạng bài định tính thực tế:Xem lại bài: 1.9 ; 7.11 ; 12.3; 22.4 và 26.1 Sách bài tập vật lý 9 trang 5 ;20;35;50 và 59.
2. Vận dụng định luật ôm-Công suất điện – công của dòng điện: Làm lại bài 12.15 ; 14.10 Sách bài tập vật lý 9 trang 37 và trang 41.
3. Vận dụng qui tắc nắm bàn tay phải – Bàn tay trái Làm lại bài 24.1 ; 24.4; 24.5; 27.1; 27.2 và 27.3. Sách bài tập vật lý 9 trang 54; 55 và trang 61.